

TƯ TƯỞNG LÝ LUẬN VĂN HỌC CỦA PHÙNG KHẮC KHOAN

NGUYỄN CÔNG LÝ^(*)

Phùng Khắc Khoan (1528-1613) là quan chức, nhà thơ nổi tiếng, sáng tác cả chữ Hán và Nôm⁽¹⁾. Trong các tập thơ, Phùng Khắc Khoan đều có viết lời Tựa. Qua các bài Tựa, người đọc sẽ nhận thấy tư tưởng lý luận và quan niệm văn học của ông.

1. Phùng Khắc Khoan với quan niệm “Thi ngôn chí”

Quan niệm “Thi dĩ ngôn chí”, “Văn dĩ tải đạo” là quan niệm Thi học của đời Tống (Trung Quốc) mà cha ông ta đã tiếp thu. Quan niệm này thường gặp ở bất kỳ nhà thơ nào thời trung đại ở nước ta. Có điều, tùy theo người tiếp nhận và phát ngôn thông qua các bài thơ, các lời Tựa, lời Bạt mà nhận thức về ‘cái chí’ ấy trong chừng mực nào đó ý nghĩa của nội hàm và ngoại diên có biểu hiện khác nhau. Có điều, cái chí không chỉ là cái chí hướng đơn thuần mang hàm nghĩa lý trí, lý tưởng, mà cái chí ở đây còn được hiểu là tấm lòng, là tình cảm của tác giả đối với hiện thực và cuộc đời.

Với Phùng Khắc Khoan, trong lời Tựa *Ngôn chí thi tập* thì ông quan niệm “Thi ngôn chí” chính là cái chí trượng phu, chí bình sinh, chí hành động nhập thế giúp đời. Ông viết: “Ta đối với thơ, vốn thường có chí, tự xét tài không cao bằng người xưa, lời không tinh bằng người xưa, ở cõi đời chưa đủ để bình luận nhân vật xưa nay, ở cõi âm chưa đủ để kinh động quỷ thần, chỉ đem cái học kém cỏi bo bo, lời nói vụng về xúc nổi thì sao đủ đi tới chỗ thơ hay mà dự vào hạng nguyên suý ở Tao Đàn kia chứ? Tuy cái học hàng ngày tất nhiên là chưa từng lập được chí lớn, nhưng cái điều mà chí phát ra cũng có khi hiện ra ở thơ. Hết thầy những điều có được trong ngậm vịnh, tuy

^(*) PGS.TS - Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH&NV – Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

chưa đủ theo đuổi các nhà thơ hay một phần trong muôn phần, nhưng cái chí bình sinh cũng thấy rõ ở đây”⁽²⁾.

Với quan niệm “Thi ngôn chí”, có thể thấy cái chí của Phùng Khắc Khoan thể hiện trong tập thơ là cái chí hành đạo của một nhân cách hồn hậu, cứng rắn, lão thực. Đó là cái chí phấn đấu không mệt mỏi cho lý tưởng vì dân vì nước, là một niềm tin vào tương lai với một quan niệm sống tích cực, lạc quan. Ở đây, kế thừa tư tưởng của Nguyễn Trãi, một lần nữa Phùng Khắc Khoan khẳng định văn chương là để phục vụ lý tưởng, để làm đẹp, làm vẻ vang cho nước. Trong bài *Bệnh trung thư hoài* (bài 2), ông viết:

Dĩ văn chương hiển ngô nho sự,

Đầu bút hà tu hiệu A Ban.

(Dùng văn chương để hiển đạt là phận sự của nhà nho ta,

Cần gì phải bắt chước chàng Ban Siêu ném bút xuống đất)⁽³⁾.

Và trong bài *Mao trung thư*, ông lại viết:

Chiến lợi từ phong thiếu lại đao...

Dụng thi hoa quốc chân đa bỏ.

(Văn bút viết từ phong sắc bén, coi thường con dao của thư lại...

Bút được dùng làm cho nước vẻ vang, thật nhiều bỏ ích)⁽⁴⁾.

2. Phùng Khắc Khoan bàn về phong cách và giọng điệu thơ

Trong bài Tựa tập *Ngôn chí thi tập*, Phùng Khắc Khoan đã viết: “Cái gọi là thơ thì không phải là lấu lưởi trong tiếng sáo, chơi chữ dưới ngòi bút, mà là để ngâm vịnh tính tình, cảm động mà phát ra ý chí nữa. Thế cho nên nếu chí mà ở đạo đức thì tất phát ra lời lẽ hồn hậu; chí mà ở sự nghiệp thì tất nhả ra khí phách hào hùng; chí ở rừng suối gò hang thì thích giọng thơ liêu tịch; chí ở gió mây trăng tuyết thì thích vẻ thơ thanh cao; chí ở nổi uất ức thì làm ra lời thơ ưu tư; chí ở niềm cảm thương thì làm ra điệu thơ ai oán. Cứ xem thơ người xưa thì có thể thấy ngay được chí người xưa vậy”⁽⁵⁾.

Theo Phùng Khắc Khoan, thơ phải là một nghệ thuật cao quý, người làm thơ phải phải có Tâm, với tấm lòng thành thật, tức làm thơ là “để ngâm vịnh tính tình, cảm động mà phát ra ý chí”. Quan niệm của Phùng Khắc Khoan rất gần với quan niệm “văn tức là người” (*Les styles c’est l’homme*) của Buffon (1707-1788) ở Pháp và “văn học là nhân học” của Gorki (1868-

1936) ở Nga, có điều trước đó rất lâu so với lúc hai nhà văn nổi tiếng này phát biểu như trên thì Phùng Khắc Khoan đã từng khẳng định “cứ xem thơ người xưa thì có thể thấy chí người xưa ngay vậy”. Và ông phủ nhận quan niệm cho rằng làm thơ phải là “láu lười trong tiếng sáo”, “chơi chữ dưới ngòi bút”, tức ông đã phê phán sự dụng công thôi xao, gò vắn gọt chữ dẫn đến cầu kỳ, sáo ngữ của nhà văn khi sáng tác.

3. Phùng Khắc Khoan quan niệm văn chương phải có nhiệm vụ trao truyền tri thức văn hoá, tri thức cuộc sống cho người đọc

Với hai tập thơ *Đa thức tập* và *Huấn đồng thi tập*, người đọc dễ nhận thấy mục đích sáng tác của Phùng Khắc Khoan. Theo ông, làm thơ là để giáo huấn, để trao truyền tri thức văn hoá, tri thức khoa học cho người đọc, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Ở *Đa thức tập*, như trên có giới thiệu, tác giả đã lấy tên những loài cây cỏ, những giống chim muông, trùng cá mà *Kinh thi* có đề cập rồi đề vịnh thành thơ. Chính vì thế mà tập thơ này đã đem lại cho người đọc nhiều tri thức về thực vật, về động vật, nói chung là về nông nghiệp, một lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên. Ngày xưa Khổng Tử từng dạy “xem *Kinh thi* có thể biết nhiều tên chim muông, cây cỏ” là vậy. Chẳng hạn, mở đầu tập *Kinh thi*, có bài *Quan thư: Quan quan thư cưu, Tại hà chi châu...* để ngầm ý so sánh với tình cảm vợ chồng cao cả, nghiêm túc, trong sáng của người quân tử, thì ở trong tập thơ này, Phùng Khắc Khoan đã miêu tả cụ thể hơn. Sau đây là bốn câu đầu của bài *Thư cưu*:

Trạng mạo phù ê nhược thị ban,

Dã nghi u thủy bất nghi san.

Quan quan thường tại hà châu thượng,

Lưỡng lưỡng tương tùy hà phố gian...

(Dáng con chim thư cưu giống như con giang con sếu,

Chúng ưa vùng sông nước, không ưa vùng núi non.

Chúng kêu riu rít ở bên bãi sông,

Tùng đôi từng đôi bên nhau nơi bên sông...)⁽⁶⁾

Về cây và hoa, trong *Đa thức tập*, Phùng tiên sinh viết nhiều về các loài như lúa mạch (Mạch), lúa nếp (Thử), lúa tắc (Tắc), rau hạnh (Hạnh thái), cây

cát lỹ (Lũy), rau tần (Tần), rau tảo (Tảo), hoa sen (Hà hoa), cây mai (Mai), cây mận (Lý), cây trúc (Trúc), v.v.. với những miêu tả và nhận xét cụ thể. Nhờ thế mà người đọc khi tiếp xúc các bài thơ, có thể nhận biết được đặc trưng của chúng. Chẳng hạn, đây là bài thơ viết về hoa sen (Hà hoa) với vẻ đẹp kiêu diễm náo nùng chẳng khác nào vẻ đẹp của hai tuyệt thế giai nhân Tây Thi và Dương Ngọc Hoàn (Dương Quý Phi) ở Trung Quốc. Do thế, người đời mới đặt biệt hiệu cho nó là “Thủy tiên” (vị tiên ở dưới nước), và đã làm bài hát mang tên *Thủy tiên ca* để ca ngợi loài hoa này:

*Thời duy thủ hạ thượng thanh hoà,
Bỉ trạch chi bi hoa hữu hà.
Tây Tử hiệu trang hồng ánh thủy,
Thái Chân tân dục bạch trĩnh ba.
Phong sinh các thượng thanh hương viễn,
Nguyệt mãn hồ trung phú quý đa.
Quân tử phương tri quân tử tháo,
Thương tâm ứng xứng Thủy tiên ca.*

(Lúc đầu mùa hạ khí trời còn trong trẻo hòa dịu,
Ở góc đầm kia có hoa gọi là sen.
Tây Thi trang điểm lúc sớm mai, sắc hồng ánh xuống nước,
Thái Chân mới tắm xong, sắc trắng lẳng trong làn sóng.
Gió nổi trên gấc, mùi hương thoang thoang bay xa,
Trăng đầy trong hồ, cảnh phú quý thịnh vượng.
Bậc quân tử mới biết được tiết tháo của người quân tử,
Lòng thương thức phải hát lên bài *Thủy tiên ca*⁽⁷⁾.)

Ở *Huấn đồng thi tập*, như đã giới thiệu ở trên, tác giả viết ra hơn một trăm bảy mươi bài thơ vịnh về thời tiết, khí hậu, cây cỏ, cầm trùng, với mục đích là “để dạy bọn hậu sinh”. Chẳng hạn, đây là một bài viết về thời tiết với những đặc trưng của các loài cây và hoa trong tháng ba qua bài *Tam nguyệt*, trích bốn câu đầu:

*Thiên thời hữu tứ diệt chu tuyên,
Tối hiệu (hảo) kỳ duy tam nguyệt thiên.*

*Đào vũ sái tàn, hồng hạnh hoá,
Huệ phong xuy khởi, lục dương yên...
(Thời tiết có bốn mùa đắp đổi qua lại,
Đẹp thích hơn cả là trời vào khoảng tháng ba.
Mưa rẩy đào tàn, hồng hạnh đỏ như lửa,
Gió thổi huệ lên, dương liễu xanh tựa khói...)⁽⁸⁾*

Còn đây là bài thơ viết về cây chuối (Ba tiêu) với những liên tưởng đầy ngụ ý:

*Tài bồi chiếm đắc địa phì nhiêu,
Khốc ái đình tiền số hữu tiêu.
Dạ vũ dả song châu trích lịch,
Xuân phong nhập hộ phiến phiêu diêu.
Dưỡng tân đức nghĩa tâm trung mật,
Thuyết cự công danh phận ngoại siêu.
Huống hựu nhuận tư sinh ý hữu,
Tư tôn kế xuất đĩnh cao tiêu.*

(Vun trồng chiếm được khoảnh đất màu mỡ,
Yêu biết bao khóm chuối trước sân.
Lộp độp như giọt châu rơi, trong đêm mưa đập bên cửa sổ,
Phe phẩy tựa quạt mát, lúc gió xuân thổi vào công nhà.
Nuôi dưỡng cái mới, niềm đức nghĩa giữ kín trong lòng,
Bàn luận điều xưa, chuyện công danh vượt ra ngoài phận.
Huống hồ lại thấm nhuận sinh ý trời đất,
Con cháu kế tiếp nhau vươn cao ngọn)⁽⁹⁾

4. Phùng Khắc Khoan bàn về phép làm thơ và cách đặt câu, dùng từ khi làm thơ

Trong bài Tựa *Huấn đồng thi tập*, Phùng Khắc Khoan đã nêu lên một số vấn đề quan trọng khi sáng tác một bài thơ cách luật thể bát cú Đường luật, trước hết cần phải nắm được cách thức (phép) làm thơ; Thứ đến phải biết cách thức dùng từ đặt câu trong bài.

Mở đầu bài Tựa, Phùng Khắc Khoan dẫn lại lời của Không Tử hỏi các học trò “các trò sao không học thi văn?”, rồi ông cho rằng làm thơ văn không dễ, cần phải có người có kinh nghiệm để chỉ dạy thể cách thì may ra mới làm được “song thi văn đâu dễ các trò học đã được, ắt phải có bậc đại nhân lưu tâm đến văn mặc dạy cho đại thể thì mới được”⁽¹⁰⁾.

Trước hết, người làm thơ cần phải nắm được quy tắc làm thơ. Vấn đề này, Phùng Khắc Khoan nêu lên ba vấn đề cần quan tâm mà người làm thơ phải triệt để tuân thủ khi sáng tác:

Một là, khi làm thơ, trước hết phải lập ý (tìm ý). Khi ý đã xuất hiện trong suy nghĩ rồi thì sau đó mới chọn thể cách thơ để làm: “Người học làm thơ, phải lập ý trước, ý đã đúng rồi sau đó mới theo thể mà dùng”⁽¹¹⁾. Việc này chẳng khác nào như người thợ khi làm nhà, trước khi làm, trong đầu người thợ phải có dự tính về khuôn thước hình thể của ngôi nhà, khi đã hình dung xong dự án thiết kế, sau đó người thợ mới dùng đến búa rìu, tức mới dùng phương tiện và vật liệu để xây dựng. Ông còn dẫn lại lời của Chu Văn Công “Người học làm thơ, phải lập ý trước, ý đã đúng rồi, sau mới theo thể mà dùng”⁽¹²⁾ nhằm chứng minh để khẳng định nội dung mà ông đã nêu ra.

Hai là, phải nắm thể cách làm thơ. Trong bài Tựa, tác giả chỉ nêu thể cách làm thơ cách luật, tức thơ bát cú Đường luật mà không bàn các thể cách khác, có lẽ bởi thơ cách luật là lối thơ thông dụng nhất, nhiều người thường dùng để sáng tác. Bài thơ cách luật có kết cấu bốn phần Đề, Thực, Luận, Kết, dù trong bài Tựa, Phùng tiên sinh không dùng các khái niệm này, mà ông dùng “đề”, “hàm liên”, “phá liên”, “kết”.

Ba là, trong thơ cách luật, mỗi cặp câu có nhiệm vụ riêng của nó, mà người làm thơ cần phải nắm chắc đặc trưng thi pháp để đặt câu cho đúng.

Hai câu đề, gồm phá đề và thừa đề. Theo Phùng Khắc Khoan, câu phá đề có nhiều cách mở: đối cảnh; tức sự; dùng ý theo đầu đề; dùng ý liên hợp với đầu đề. Sau đó, ông dẫn lại lời của Phạm Đức Ky ở Thanh Giang trong sách *Thủy thiên cảm ngữ* rằng: “Làm thơ trước hết phải lập ý, tựa như người làm nhà, khuôn thước hình thể, ắt phải chứa trong bụng, sau mới dùng đến búa rìu. Cách thức làm thơ như sau: câu phá đề hoặc mở bằng đối cảnh, hoặc bằng tức sự, hoặc dùng theo ý đầu đề, hoặc dùng ý liên hợp với đầu đề để làm. Câu mở cần đột ngột cao xa như gió cuốn, sóng dâng, khí thể ngập trời”⁽¹³⁾.

Hai câu thực, ông gọi là “hạ liên”, đây là hai câu miêu tả, trình bày thực trạng của đầu bài, “hoặc tả ý, hoặc tả cảnh, hoặc chép việc, hoặc mượn việc để dẫn”, nhưng phải biết gắn kết với câu phá sao cho liền mạch về ý, nó “chẳng khác nào như hạt ngọc trong hàm rồng, lúc nào cũng ôm khư khư không bỏ”⁽¹⁴⁾.

Hai câu luận, ông gọi là “cảnh liên”, đây là hai câu bàn bạc mở rộng ý của đầu bài và ý của câu thực đã trình bày, “hoặc tả cảnh, hoặc tả ý, hoặc chép việc, hoặc dùng để dẫn chứng, nhưng ý phải hô ứng với câu trên, tránh trùng lặp mà cần biến hóa, tựa như tiếng sét bất thình lình xé tan quả núi, khiến người xem phải thảng thốt giật mình”⁽¹⁵⁾.

So với lời phát biểu của Phùng Khắc Khoan, tôi có ý kiến hơi khác một chút. Thông thường, trong một bài thơ cách luật, ý chính của toàn bài đều được thể hiện trong hai cặp thực và luận này. Tôi có bản khoản là trong bài Tựa, Phùng Khắc Khoan đã dẫn lại lời bàn về thể cách làm thơ của Phạm Đức Ky, mà lời bàn này lại có sự giống nhau về cách triển khai ý trong hai cặp thực và luận. Câu luận (câu 5 và câu 6) thay vì phải bàn bạc, nghị luận về đầu bài, mở rộng ý của câu thực, thì ở đây, ông đã dẫn lại lời của Phạm Đức Ky rằng hai câu này “hoặc tả ý, hoặc tả cảnh, hoặc chép việc, hoặc dùng việc để dẫn chứng”, thì theo tôi, nếu viết như thế thì hai câu luận lại có cùng nhiệm vụ như hai câu thực (tức miêu tả, trình bày thực trạng của đề), nghĩa là nó không khác hai câu thực là mấy, dù tôi rất đồng tình với các ý đã dẫn tiếp theo sau đó là phải ‘hô ứng’, ‘tránh trùng lặp mà cần biến hoá’, nhằm tạo ra tứ thơ với sức ngân vang, để lại dư âm trong lòng người đọc, nó ‘tựa như tiếng sét bất thình lình xé tan quả núi khiến người xem phải thảng thốt giật mình’.

Nói chung là, theo Phùng Khắc Khoan, các cặp câu trong toàn bài thơ cách luật phải liên kết chặt chẽ với nhau “cần trình bày có đầu mối, dụng ý sâu xa, luyện câu trang nhã, dùng chữ cho đúng, âm vang hưởng ứng xa vời”⁽¹⁶⁾.

Với hai câu kết, theo ông, “câu kết hoặc kết thúc theo đầu đề, hoặc mở ra một đường, hoặc nối với ý câu trên, hoặc dùng sự việc làm câu buông thông để tán đàn, y như con thuyền Diêm Khê đi về bến một cách tự nhiên”. Ông cho rằng “làm được câu kết hay thì lại càng khó” và khẳng định “Ai làm thơ mà không có câu kết đẹp thì có thể thấy người đó tương lai không thành

đạt trên con đường thi nghiệp”. Trong bài thơ, có thể dễ làm được hai câu thực và luận với sự đối nhau đẹp đẽ, chặt chẽ, nhưng “khó làm được câu kết hay” như Chu Hối Am có nói⁽¹⁷⁾.

Thứ đến, khi làm thơ cần phải biết cách thức dùng từ đặt câu trong bài thơ, Phùng Khắc Khoan cho rằng, trong thơ cách luật, dùng từ là quan trọng nhất, bởi dùng những ‘tự nhãn’ thì mới thể hiện được ý trong câu và trong toàn bài, chủ đề của bài mới bộc lộ rõ mà ngay từ đầu, sự chuẩn bị về lập ý đã có trước khi làm. Người sáng tác phải biết chọn từ thân, từ đặc, những chữ quan trọng thì mới thể hiện được cái hồn cốt của toàn bài, có như thế thì thơ mới cứng cáp, mới có sức âm vang, từ đó, mới tạo nên ý và tứ của bài thơ. Đây là chỗ dụng công của người làm thơ. Phong cách, cá tính sáng tạo và bản lĩnh của nhà thơ có được là nhờ chỗ dụng công này. Ông viết: “Theo phép làm thơ phải dùng chữ điêu luyện, cân đối, nghĩ chữ đối nhau trước đã rồi sau mới sáng tác cả câu, không nên nghĩ từng câu một. Sách *Sa trung kim tập* nói: “Phàm làm thơ phải dùng được tự nhãn (chữ quan trọng) thì thơ cứng cáp”. Lại nói: “tự nhãn là chữ có âm vang”. Phan Phần Chi nói: “Dùng chữ phải chọn chữ có âm vang đây mới là chỗ dụng công”. Phép tự nhãn là dùng chữ biến ảo, đó cũng là phép ảo tự, ảo cú của Lỗ Công (Hoàng Đình Kiên). Lại có người dùng chữ mẫu tử để đặt câu, lại có người dùng hư tự để đặt câu, lại có người dùng điển trong kinh, trong sử để đặt vào ba chữ cuối của câu. Lại có người đặt câu như nối đầu mối với nhau, lại có người đặt câu lối gãy lưng ong. Ngoài ra, thể cách của các nhà thật là đa dạng, khó có thể trình bày hết được. Đây chỉ thuật lại sơ lược cốt cách làm thơ văn để khuyên dạy những kẻ hậu sinh đang trên đường trở tài bay nhảy mà thôi”...

Phạm Đức Ky còn nói: “Thơ cần trình bày có đầu mối, dụng ý sâu xa, luyện câu trang nhã, dùng chữ cho đúng, âm vang hưởng ứng xa vời. Câu kết lại càng khó. Ai làm thơ mà không có câu kết đẹp thì có thể thấy người đó tương lai tương lai không thành đạt trên con đường thi nghiệp”.

Bạch Cư Dị nói: “Luyện câu không bằng luyện chữ, luyện chữ không bằng luyện ý, luyện ý không bằng luyện cách”⁽¹⁸⁾.

Về cách đặt câu, Phùng Khắc Khoan dẫn tiếp lời của Phạm Đức Ky cho rằng “có câu dùng lối vấn đáp, có câu trên ba dưới ba, có câu trên bốn dưới bốn, trên thừa dưới gọi, có câu trên gọi dưới thừa, có câu như gió đi mây theo, có câu đảo điên rối loạn, có câu nói ngược mà lẽ xuôi”⁽¹⁹⁾.

Tóm lại, có thể xem nội dung vừa nêu như trên, chính là lời mà Phùng Khắc Khoan đã bàn về thơ, một dạng lý luận văn chương cổ, cụ thể là bàn về phong cách và giọng điệu thơ, về phép làm thơ cách luật, về cách dùng chữ đặt câu khi làm thơ, cùng khẳng định thơ chính là chỗ để người làm thơ bày tỏ chí hướng của mình và thơ phải có nhiệm vụ giáo huấn, trao truyền tri thức khoa học cho hậu thế. Đây là một quan niệm đúng đắn và mới mẻ, rất gần gũi với quan niệm lý luận văn học hiện đại ngày nay, dù quan niệm này Phùng tiên sinh đã phát biểu cách đây gần sáu trăm năm! Thế mới biết, những tư tưởng lớn luôn luôn và bao giờ cũng đều là những chân lý đúng đắn⁽¹⁹⁾ □

Cuối đông Đinh Dậu 2017

(1) Xin xem Bùi Duy Tân: *Phùng Khắc Khoan*, trong sách *Từ điển văn học (Bộ mới)*. Nxb Thế giới, H., 2004, tr.1430-1432.

(2) Phùng Khắc Khoan: *Tựa Ngôn chí thi tập* (Đình Gia Khánh dịch), trong sách *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 6 (Bùi Duy Tân chủ biên). Nxb KHXH, H., 1997, tr.817- 818.

(3) Bùi Duy Tân (Chủ biên): *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 6. Nxb KHXH, H., 1997, tr. 829.

(4) Bùi Duy Tân (Chủ biên): *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 6. Nxb KHXH, H., 1997, tr. 829.

(5) Phùng Khắc Khoan: *Ngôn chí thi tập tự* (Đình Gia Khánh dịch), trong sách *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 6 (Bùi Duy Tân chủ biên). Nxb KHXH, H., 1997, tr.817- 818.

(6) (7) (8) (9) Gia tộc họ Phùng Việt Nam và Hội Nhà văn Việt Nam: *Phùng Khắc Khoan hợp tuyển thơ văn*. Nxb Hội Nhà văn, H., 2012, tr.577-578; 631-632; 540-541; 560-561.

(10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18) Phùng Khắc Khoan: *Tựa Huấn đồng thi tập* (Phạm Trọng Điềm dịch), trong sách *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 6 (Bùi Duy Tân chủ biên). Nxb KHXH, H., 1997, tr. 887- 888.

(19) Xem thêm Nguyễn Công Lý: *Văn học Việt Nam thế kỷ XV – thế kỷ XVII: những vấn đề về nội dung cảm hứng, thể loại, tác gia tiêu biểu*. Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, nghiệm thu 2017.